

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI



MỤC LỤC

----- oOo -----

| | Trang |
|---|-------|
| 1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01-02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03-04 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 05-07 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 08 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 09-10 |
| 6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 11-22 |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306507037, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (trừ kinh doanh dịch vụ truy cập, truy cập internet tại trụ sở) (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng).

Tên tiếng anh: ONE WORLD SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ONE WORLD JSC

Trụ sở chính: Lầu 3, 72/24 Phan Đăng Lưu, Phường 05, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------|--------------|
| Ông Song Li Wei | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đồng | Phó Chủ tịch |
| Ông Hồ Nhân | Thành viên |
| Ông Yu Ren | Thành viên |

Ban Kiểm Soát

| | |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Trọng Nhân | Thành viên |
|-----------------------|------------|

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Đồng | Tổng Giám đốc |
| Ông Vũ Quốc Huân | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Trần Thị Thanh Tâm | Kế toán trưởng |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là Ông Nguyễn Đồng - Tổng Giám đốc.

05
CƠ
TI
TOÁN
TIN
ĐÓNG
T.Đ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC (MOORE AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 18 tháng 7 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÔNG

Tổng Giám đốc



Số: B05.22.279/MOOREAISC-DN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MỘT THẾ GIỚI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới, được lập ngày 18 tháng 7 năm 2022, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



MOORE AISC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TT)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham dự kiểm kê tiền mặt của Quý Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021. Với những tài liệu hiện có tại đơn vị, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được sự hiện hữu và tính chính xác của tiền mặt tại thời điểm trên bằng thủ tục kiểm toán khác.

Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 20.377.170.086 VND đã làm cho Nguồn vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bị giảm đáng kể. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 377.170.086 VND. Số lượng nhân viên hiện tại chỉ còn duy trì Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay Công ty đã tạm ngưng kinh doanh hoạt động kinh doanh chính.

Những điều kiện và sự kiện nêu trên cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục và các cam kết đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo Thuyết minh tại mục VIII.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Tại ngày phát hành báo cáo này, kiểm toán viên chưa thu thập được các bằng chứng thích hợp để đảm bảo tính hoạt động liên tục của đơn vị.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Một Thế Giới tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo



Phạm Văn Vinh
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 0112-2018-005-1
Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học Moore Aisc

Đoàn Nguyễn Minh Tâm
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 4277-2018-005-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 18 tháng 7 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---|--------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 142.625.855 | 177.367.622 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 24.125.855 | 124.167.622 |
| 1. Tiền | 111 | | 24.125.855 | 124.167.622 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 116.500.000 | 53.200.000 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 223.341.049 | 247.041.049 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 28.000.000 | 41.000.000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 100.000.000 | - |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.2,3 | (234.841.049) | (234.841.049) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.000.000 | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2.000.000 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---------------------------------------|------------|-------------|--------------------|--------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | - | - |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 142.625.855 | 177.367.622 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 519.795.941 | 964.377.565 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 519.795.941 | 964.377.565 |
| 1. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 311 | V.5 | 519.795.941 | 964.377.565 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (377.170.086) | (787.009.943) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.6 | (377.170.086) | (787.009.943) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (20.377.170.086) | (20.787.009.943) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (20.787.009.943) | (21.012.959.831) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 409.839.857 | 225.949.888 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 142.625.855 | 177.367.622 |

TP. HCM, ngày 18 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu - Kế Toán Trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN THỊ THANH TÂM



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|-----------|-------------|---------------------|--------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | - | 237.694.000 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | - | 237.694.000 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | - | - |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | - | 237.694.000 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 3.133 | 8.505 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.1 | 34.744.900 | 19.894.750 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | (34.741.767) | 217.807.755 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.2 | 444.581.624 | 262.588.177 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 248.507.984 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 444.581.624 | 14.080.193 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 409.839.857 | 231.887.948 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | 5.938.060 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 409.839.857 | 225.949.888 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.2 | 205 | 113 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.3 | 205 | 113 |

TP. HCM, ngày 18 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu - Kế Toán Trưởng



TRẦN THỊ THANH TÂM

TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---|-----------|-------------|----------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 409.839.857 | 231.887.948 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản : | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | - | - |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | (1.978.502.480) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (3.133) | (8.505) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 409.836.724 | (1.746.623.037) |
| - Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu | 09 | | (65.300.000) | 2.097.093.607 |
| - Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho | 10 | | - | - |
| - Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | (444.581.624) | (279.918.395) |
| - Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước | 12 | | - | - |
| - Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (5.938.060) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (100.044.900) | 64.614.115 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 3.133 | 8.505 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 3.133 | 8.505 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|-----------|-------------|----------------------|--------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | - |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40) | 50 | | (100.041.767) | 64.622.620 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 124.167.622 | 59.545.002 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61) | 70 | V.1 | 24.125.855 | 124.167.622 |

Người lập biểu - Kế Toán Trưởng



TRẦN THỊ THANH TÂM

TP. HCM, ngày 18 tháng 7 năm 2022

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÔNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Dịch vụ Một Thế Giới được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0306507037, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (trừ kinh doanh dịch vụ truy cập, truy cập internet tại trụ sở) (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng).

4. Ngành nghề kinh doanh

Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (trừ kinh doanh dịch vụ truy cập, truy cập internet tại trụ sở) (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng).

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3 nhân viên).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

513
ÔN
TN
ĐÀN
TIN
ORI
T.P

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

41-
TY
H
DỊCH
C
AIS
C**9. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

10. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---------------------------------------|-------------------|--------------------|
| Tiền | 24.125.855 | 124.167.622 |
| Tiền mặt | 6.776.077 | 123.046.077 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 17.349.778 | 1.121.545 |
| Cộng | 24.125.855 | 124.167.622 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 2. Phải thu của khách hàng | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
|---|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 223.341.049 | (223.341.049) | 247.041.049 | (223.341.049) |
| Khách hàng trong nước | 223.341.049 | (223.341.049) | 247.041.049 | (223.341.049) |
| Công Ty Cổ Phần Thanh Toán Điện Tử Việt | 223.341.049 | (223.341.049) | 223.341.049 | (223.341.049) |
| Các đối tượng khác | - | - | 23.700.000 | - |
| Cộng | 223.341.049 | (223.341.049) | 247.041.049 | (223.341.049) |
| 3. Trả trước cho người bán | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 28.000.000 | (11.500.000) | 41.000.000 | (11.500.000) |
| Nhà cung cấp trong nước | 28.000.000 | (11.500.000) | 41.000.000 | (11.500.000) |
| Nhà cung cấp nước ngoài | - | - | - | - |
| Cộng | 28.000.000 | (11.500.000) | 41.000.000 | (11.500.000) |
| 4. Phải thu khác | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 100.000.000 | - | - | - |
| Tạm ứng | 100.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 100.000.000 | - | - | - |
| Trong đó, phải thu khác là bên liên quan | - | - | - | - |
| Trần Thị Thanh Tâm | 100.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 100.000.000 | - | - | - |
| 5. Phải trả người bán | 31/12/2021 | | 01/01/2021 | |
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | 519.795.941 | 519.795.941 | 964.377.565 | 964.377.565 |
| Nhà cung cấp trong nước | 519.795.941 | 519.795.941 | 964.377.565 | 964.377.565 |
| Cty CP Dịch vụ phần mềm Gemstone Studio | 318.212.800 | 318.212.800 | 318.212.800 | 318.212.800 |
| Công ty TNHH TMDV Đầu Tư Phát Triển Trường Phát 168SG | - | - | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Các đối tượng khác | 201.583.141 | 201.583.141 | 346.164.765 | 346.164.765 |
| Cộng | 519.795.941 | 519.795.941 | 964.377.565 | 964.377.565 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

| Khoản mục | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|---------------------------|--------------|-----------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 20.000.000.000 | - | (21.012.959.831) | (1.012.959.831) |
| Lợi nhuận/ (lỗ) | - | - | 225.949.888 | 225.949.888 |
| Số dư cuối năm trước | 20.000.000.000 | - | (20.787.009.943) | (787.009.943) |
| Số dư đầu năm nay | 20.000.000.000 | - | (20.787.009.943) | (787.009.943) |
| Lợi nhuận/ (lỗ) | - | - | 409.839.857 | 409.839.857 |
| Số dư cuối năm nay | 20.000.000.000 | - | (20.377.170.086) | (377.170.086) |

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyễn Đồng | 21,02% | 4.204.270.000 | 4.204.270.000 |
| Công ty TNHH Đầu tư & Quản lý Hoàng Phúc | 17,50% | 3.500.000.000 | 3.500.000.000 |
| Hồ Nhân | 15,80% | 3.160.870.000 | 3.160.870.000 |
| Quách Thị Mỹ Trang | 6,30% | 1.259.250.000 | 1.259.250.000 |
| Vốn góp của các nhà đầu tư khác | 39,38% | 7.875.610.000 | 7.875.610.000 |
| Cộng | 100% | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|---------------------------|----------------|----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Vốn góp đầu năm | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| Vốn góp cuối năm | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

d. Cổ phiếu

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.000.000 | 10.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu. | 10.000 | 10.000 |

6. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | 31/12/2021 | 01/01/2021 |
|---------------------|--------------------|--------------------|
| | Giá trị | Giá trị |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 137.105.000 | 137.105.000 |
| Cộng | 137.105.000 | 137.105.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | Năm 2021 | Năm 2020 |
|--|--------------------|--------------------|
| 1. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Thuế, phí, lệ phí | 3.000.000 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 27.500.000 | 16.500.000 |
| Chi phí bằng tiền khác | 4.244.900 | 3.394.750 |
| Cộng | 34.744.900 | 19.894.750 |
| 2. Thu nhập khác | | |
| Xử lý công nợ phải trả người bán | 444.581.624 | - |
| Điều chỉnh khoản nợ thuế | - | 262.588.177 |
| Cộng | 444.581.624 | 262.588.177 |
| 3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 409.839.857 | 225.949.888 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm | - | - |
| Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 409.839.857 | 225.949.888 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 205 | 113 |
| 4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 409.839.857 | 225.949.888 |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm | 409.839.857 | 225.949.888 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm | 2.000.000 | 2.000.000 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 205 | 113 |

5. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Các khoản phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng theo quy định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

105
CÔ
T
T
MOC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | <i>Dưới 1 năm</i> | <i>Từ 1-5 năm</i> | <i>Trên 5 năm</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|----------------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|--------------------|
| Phải trả người bán | 519.795.941 | - | - | 519.795.941 |
| | 519.795.941 | - | - | 519.795.941 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | <i>Dưới 1 năm</i> | <i>Từ 1-5 năm</i> | <i>Trên 5 năm</i> | <i>Tổng cộng</i> |
| Phải trả người bán | 964.377.565 | - | - | 964.377.565 |
| | 964.377.565 | - | - | 964.377.565 |

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem thuyết minh tại trang 22

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm: Không có
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm: Không có

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.
2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với thành viên chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Phát sinh trong năm | Số dư cuối kỳ phải thu/(phải trả) |
|---|-------------------------------------|---------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Etek | Công ty có cùng thành viên chủ chốt | Thu tiền cung cấp dịch vụ | 23.700.000 | - |
| Trần Thị Thanh Tâm | Kế toán trưởng | Tạm ứng | 100.000.000 | 100.000.000 |
| + Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | | | Năm 2021 | Năm 2020 |
| Hội đồng quản trị | | Thù lao | - | - |
| Ban Giám đốc | | Lương và thưởng | - | - |
| Cộng | | | - | - |

4. Thông tin về hoạt động liên tục:

Công ty lỗ lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là (20.377.170.086 VND), nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 377.170.086 VND. Đồng thời hệ số khả năng thanh toán nhỏ hơn 1. Các vấn đề này có thể gây nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty, cụ thể như sau:

| Tại thời điểm | Nợ phải trả | Tổng tài sản | Chênh lệch | Tỷ lệ |
|---------------|-------------|------------------|-------------|-------------|
| (1) | (2) | (3) | (4)=(2)-(3) | (5)=(2)/(3) |
| 01/01/2021 | 964.377.565 | 177.367.622 | 787.009.943 | 544% |
| 31/12/2021 | 519.795.941 | 142.625.855 | 377.170.086 | 364% |
| Tại thời điểm | Nợ ngắn hạn | Tài sản ngắn hạn | Chênh lệch | Tỷ lệ |
| (1) | (2) | (3) | (4)=(2)-(3) | (5)=(2)/(3) |
| 01/01/2021 | 964.377.565 | 177.367.622 | 787.009.943 | 543,72% |
| 31/12/2021 | 519.795.941 | 142.625.855 | 377.170.086 | 364,45% |

| Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán | 31/12/2021 | 31/12/2020 |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Khả năng thanh toán hiện hành | 0,27 | 0,18 |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | 0,27 | 0,18 |
| Khả năng thanh toán nhanh | 0,05 | 0,13 |

Số lượng nhân viên giảm đáng kể chỉ còn duy trì Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng.

Ban Tổng Giám đốc đã có những đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty như sau:

- Công ty không có bất kỳ vụ kiện tụng nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.
- Từ tháng 5 năm 2020 đến nay Công ty đã tạm ngưng kinh doanh hoạt động kinh doanh chính của đơn vị. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty có sự thay đổi Nhóm Cổ đông mới và đang lập kế hoạch đưa Công ty trở lại tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Ban Tổng Giám Đốc tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh và Hội đồng Quản trị đã có những kế hoạch mở rộng ngành nghề hoạt động trong tương lai.

TP. HCM, ngày 18 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu - Kế Toán Trưởng

Tổng Giám đốc



TRẦN THỊ THANH TÂM



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

| | Giá trị ghi sổ | | | Giá trị hợp lý | | |
|--------------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| | 31/12/2021 | 31/12/2020 | 31/12/2021 | 31/12/2021 | 31/12/2020 | 31/12/2020 |
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tài sản tài chính | | | | | | |
| - Phải thu khách hàng | 223.341.049 | (223.341.049) | 247.041.049 | (223.341.049) | - | 23.700.000 |
| - Phải thu khác | 100.000.000 | - | - | - | 100.000.000 | - |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 24.125.855 | - | 124.167.622 | - | 24.125.855 | 124.167.622 |
| TỔNG CỘNG | 347.466.904 | (223.341.049) | 371.208.671 | (223.341.049) | 124.125.855 | 147.867.622 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | |
| - Phải trả người bán | 519.795.941 | - | 964.377.565 | - | 519.795.941 | 964.377.565 |
| TỔNG CỘNG | 519.795.941 | - | 964.377.565 | - | 519.795.941 | 964.377.565 |